TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh p**

Bản án số: 165/2023/DS-ST
Ngày: 02-10-2023
V/v "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào

2. Ông Nguyễn Thanh Văn

- Thư k phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư k viên của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 9 và 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị N (N), sinh năm 1966*; (có mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Dương L – Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đinh Bửu L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T*; (có mặt)*.

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Ngọc R, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982*; (có mặt)*

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện G, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26-7-2023.

2. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1988*; (vắng mặt)*

Địa chỉ: ẤpB, xã M, huyện D, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26-7-2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị N (N) trình bày:

Bà có tham gia hụi do bà Huỳnh Ngọc R cùng chồng là ông Huỳnh Văn P làm chủ thảo (hụi có lãi), với hình thức thành viên nào trong dây hụi bỏ thăm với số tiền cao hơn thì được lãnh hụi (hốt hụi), các thành viên không được lãnh hụi sẽ góp hụi trên số tiền còn lại của dây hụi. Riêng trong 02 tháng dịch của tháng 8, 9-2021 không tổ chức khui hụi do dịch Covid, nên các dây hụi khui trước tháng 8-2021 đều mãn sau 02 tháng so với thời gian mãn hụi dự kiến. Tất cả các dây hụi mà bà tham gia và mua hụi, bà đều chưa hốt và đã đóng hụi đến hết tháng 3-2023, sang kỳ hụi tháng 4-2023 thì bà chưa đóng. Hiện nay bà R còn nợ bà tiền hụi của các dây hụi gồm:

* Hụi mở ngày 10-4-2021, gồm các dây:

- Hụi 5.000.000 đồng gồm 25 phần, mở ngày 10-4-2021 và mãn ngày 10-6-2023. Trong dây hụi này bà không tham gia nhưng có mua một phần hụi của bà "Tô" do bà R bán với số tiền là 85.000.000 đồng. Nếu tính đến ngày hụi mãn thì bà R phải trả cho bà số tiền là 122.500.000 đồng. Dây hụi này đã có 23 phần đã hốt, còn lại 02 phần còn sống (trong đó của bà là 01 phần).

- Hụi 3.000.000 đồng (có 2 dây) mỗi dây có 25 phần, mở ngày 10-4-2021 và mãn ngày 10-6-2023.

+ Dây 1: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 23 phần đã hốt, còn lại 02 phần còn sống (trong đó của bà là 01 phần). Bà không nhớ rõ đã đóng tiền hụi cho bà R cụ thể từng kỳ mở hụi là bao nhiêu nhưng tính bình quân đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi (ngày 10-4-2023) thì bà đã đóng được số tiền là 46.000.000 đồng. Nếu tính đến ngày hụi mãn thì bà R phải trả cho bà số tiền là 67.500.000 đồng.

+ Dây 2: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", đã có 23 phần đã hốt, còn lại 02 phần còn sống (trong đó của bà là 01 phần). Tính bình quân đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi thì bà đã đóng được số tiền là 46.000.000 đồng. Nếu tính đến ngày hụi mãn thì bà R phải trả cho bà số tiền là 67.500.000 đồng.

* Hụi mở ngày 20-12-2021, gồm các dây:

- Hụi 5.000.000 đồng gồm 25 phần, mở ngày 20-12-2021 và mãn ngày 20-12-2023. Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 16 phần đã hốt, còn lại 09 phần còn sống. Tính bình quân đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi, bà đã đóng được số tiền là 56.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà mua hụi của bà R 02 phần, gồm: Mua hụi "R" với số tiền là 95.000.000 đồng; mua hụi "K" với số tiền là 70.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà số tiền là 221.500.000đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 25 phần, mở ngày 20-12-2021 và mãn ngày 20-12-2023. Bà tham gia dây 2, 3, 4, 5.

+ Dây 2: Bà tham gia 01 phần tên "C", đã đóng được 16 kỳ với số tiền là 32.000.000 đồng.

+ Dây 3: Bà tham gia 01 phần tên "N", đã đóng được 16 kỳ với số tiền là 49.500.000 đồng. Tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bà số tiền là 73.500.000 đồng.

+ Dây 4*:* Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "C", có 16 phần đã hốt, còn lại 09 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi khoảng 20.000.000 đồng.

Và bà có mua 01 phần hụi của "T" do bà R bán lại với số tiền là 49.500.00 đồng, tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bà số tiền là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà số tiền là 93.500.000 đồng.

+ Dây 5*:* Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 16 phần đã hốt, còn lại 09 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi khoảng 20.000.000 đồng.

* Hụi mở ngày 10-6-2022, gồm các dây:

- Hụi 5.000.000 đồng gồm có 25 phần, mở ngày 10-6-2022 và mãn vào ngày 10-6-2024. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", đến ngày 10-04-2023 bà đã đóng được 11 kỳ với số tiền là 35.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà R có bán phần hụi của "H" cho bà với số tiền là 70.640.000 đồng và của "T" số tiền là 70.640.000 đồng. Tính đến ngày hụi mãn thì bà R trả cho bà mỗi phần hụi là 122.500.000 đồng x 02 = 245.000.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà số tiền là 280.000.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 25 phần, mở ngày 10-6-2022 và mãn ngày 10-6-2024.

+ Dây 1: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 11 phần đã hốt, còn lại 14 phần còn sống. Bà có tham gia 01 phần đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi 11 kỳ là 20.000.000 đồng. Và bà có mua 01 phần hụi của bà "R" với số tiền là 49.500.000 đồng, đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bà là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà là 93.500.000 đồng.

+ Dây 2: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", đã có 11 phần đã hốt, còn lại 14 phần còn sống. Bà đã đóng được 11 kỳ là 20.000.000 đồng. Và bà mua 01 phần hụi của "Hạnh con T" do bà R bán sới số tiền là 49.500.000 đồng, đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bà là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà là 93.500.000 đồng.

+ Dây 3: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 11 phần đã hốt, còn lại 14 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi (10-4-2023) 11 kỳ là 20.000.000 đồng. Và bà mua 01 phần hụi của "T" do bà R bán sới số tiền là 49.500.000 đồng, đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bà là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà là 93.500.000 đồng.

+ Dây 4: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 11 phần đã hốt, còn lại 14 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi được 11 kỳ là 20.000.000 đồng. Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà 20.000.000 đồng.

+ Dây 5: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 11 phần đã hốt, còn lại 14 phần còn sống. Bà có tham gia 01 phần đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi được 11 kỳ là 20.000.000 đồng. Và bà mua 01 phần hụi của "Hạnh con T" do bà R bán sới số tiền là 49.500.000 đồng, đến ngày mãn hụi vợ chồng bà R phải trả cho bài là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà là 93.500.000 đồng.

* Hụi mở ngày 10-8-2022, gồm các dây:

- Hụi 5.000.000 đồng gồm có 25 phần, mở ngày 10-8-2022 và mãn vào ngày 10-8-2024. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần còn sống, đã đóng đến ngày 10-04-2023 là 09 kỳ số tiền là 31.500.000 đồng. Tổng cộng dây hụi này vợ chồng bà R phải trả cho bà 31.500.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 25 phần, mở ngày 10-8-2022 và mãn ngày 10-8-2024.

+ Dây 1: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 09 phần đã hốt, còn lại 16 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi được 09 kỳ số tiền là 18.000.000 đồng.

+ Dây 2: Dây hụi này bà tham gia 01 phần tên "N", có 09 phần đã hốt, còn lại 16 phần còn sống. Bà đã đóng tiền hụi đến ngày vợ chồng bà R tuyên bố bể hụi được 09 kỳ số tiền là 18.000.000 đồng.

* Hụi mở ngày 30-01-2023, gồm các dây:

- Hụi 5.000.000 đồng gồm có 25 phần, mở ngày 30-01-2023 và mãn ngày 30-01-2025. Trong dây hụi này, bà tham gia 02 phần còn sống đã đóng đến ngày 10-04-2023 là 03 kỳ số tiền là 21.000.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 25 thành viên, mở ngày 30-01-2023 và mãn ngày 30-01-2025. Trong dây hụi này bà tham gia 03 dây với 03 phần; mỗi phần đã đóng được 03 kỳ. Tổng cộng số tiền bà đã đóng 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn hai đầu hụi mãn vào ngày 30-12-2022, phần này bà hốt cuối cùng được số tiền khoảng 520.000.000 đồng, bà R chỉ đăng hụi cho bà số tiền là 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 500.000.000 đồng; và đầu hụi ngày 20-02-2023 khoảng 70.500.000 đồng, dây hụi này bà R chỉ đăng hụi cho bà số tiền là 38.500.000 đồng, bà R còn nợ lại 32.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà R trả tổng số tiền là 2.030.500.000 đồng. Nhưng số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà R chỉ là ước tính trên tiền hụi trung bình phải đóng, do không có sổ sách đối chiếu. Tại phiên tòa, bà đồng ý tính theo tiền hụi thực tế của từng dây hụi mà bà đã đóng cho bà R được ghi tại sổ hụi mà bà R cung cấp và số tiền hụi mãn mà bà R thừa nhận còn nợ. Bà yêu cầu vợ chồng bà R, ông P trả cho bà số tiền nợ gốc này và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày bà R tuyên bố bể hụi là 10-4-2023 đến khi giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của bà Huỳnh Ngọc R và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – anh Trần Quốc T trình bày:

Bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không đăng k kết hôn, bà R và ông P có 01 người con chung. Năm 2011 do vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau, mạnh ai làm nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà R sống cùng con gái, để giảm bớt gánh nặng kinh tế cho con nên bà R bắt đầu làm chủ hụi để kiếm tiền cò từ năm 2014 nhưng vì ít học không rành về sổ sách ghi chép nên khó kiểm soát, nhiều lần bị nhầm. Bà N (N) thấy hụi của bà R lời nhiều nên khoảng từ năm 2017 đến nay bà R và bà N cùng một hụi viên khác là bà Ngô Thị Kim Điệp hùng hạp với nhau mở hụi. Theo thoả thuận thì bà R làm chủ hụi trực tiếp đi gom và đăng hụi hưởng tiền cò, còn bà Điệp và bà N đứng ra mua hụi khi có hụi viên kêu bán để lấy tiền lời. Và bà Điệp còn làm thư k cho bà R trực tiếp ghi chép sổ sách.

Khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022 do tình hình dịch bệnh, kinh tế khó khăn có nhiều hụi viên không có khả năng góp hụi và đóng hụi chết cho bà R. Bà R phải đứng ra chàng hụi cho nhiều người nên không còn khả năng chàng hụi được nữanênbà R có nói với bà N sẽ tuyên bố bể hụi. Lúc này bà N có yêu cầu bà R tiếp tục duy trì hụi vì bà N và bà Điệp đã mua rất nhiều đầu hụi của hụi viên do bà R làm chủ nên không muốn bà R tuyên bố bể hụi và có cho bà R mượn các dây hụi mãn ngày 30-12-2022 do bà N tham gia và mua hụi (các bên chỉ thoả thuận miệng không có làm giấy tờ gì). Đến ngày 20-02-2023, bà N tiếp tục cho bà R mượn dây hụi mãn còn lại của bà để đăng hụi cho hụi viên. Tổng số tiền hụi mãn của bà N cho bà R mượn là 571.500.000 đồng.

Đến ngày 10-4-2023, bà R tuyên bố bể hụi. Sau khi bà R tuyên bố bể hụi, bà N có yêu cầu bà R trả lại số tiền hụi tính cả vốn lẫn lãi đến khi hụi mãn. Bà R có t lượng xin trả lại tiền gốc nhưng bà N không đồng ý.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà R không đồng ý. Vì bà R, bà Điệp và bà N hùng hạp với nhau, cùng nhau mở hụi, bà R hưởng tiền cò, bà Điệp và bà N mua hụi lấy lời. Và việc tổ chức hụi không liên quan gì đến ông Huỳnh Văn P.

Đối với các dây hụi theo đơn khởi kiện của bà N yêu cầu, bà R ý kiến như sau:

* Hụi khui ngày 10-4-2021:

- Hụi 5.000.000 đồng: Dây hụi này bà N không tham gia nhưng có mua 01 phần hụi của bà "Tô" với số tiền 85.000.000 đồng. Phần hụi này bà N đã hốt ngày 10-11-2022, hụi kêu 1.950.000 đồng, sống 07 phần, chết 18 phần. Bà

Nhiển đã hốt hụi với số tiền 108.850.000 đồng (đã trừ tiền cò 2.500.000 đồng). Bà R đã đăng hụi cho bà N xong.

- Hụi 3.000.000 đồng:

+ Dây 1: Dây hụi này bà N đã hốt ngày 10-4-2022, hụi kêu 1.220.000 đồng (sống 14 phần, chết 10 phần). Bà N đã hốt hụi với số tiền 53.420.000 đồng (đã trừ tiền cò 1.500.000 đồng). Bà R đã đăng hụi cho bà N xong. Tính đến khi mãn hụi bà N còn nợ bà R 03 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

+ Dây 2: Dây hụi này bà N đã hốt ngày 10-4-2022, hụi kêu 1.220.000 đồng (sống 14 phần, chết 10 phần). Bà Nhiển đã hốt hụi với số tiền 53.420.000 đồng (đã trừ tiền cò 1.500.000 đồng). Bà R đã đăng hụi cho bà N xong. Tính đến khi mãn hụi bà N còn nợ bà R 03 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

* Hụi khui ngày 20-12-2021:

- Hụi 5.000.000 đồng: Dây hụi này bà N đã đóng được 16 kỳ hụi sống với số tiền 49.770.000 đồng

- Hụi 3.000.000 đồng: có 05 dây. Lúc khui hụi bà N không tham gia nên trong danh sách không có tên của bà N nhưng sau đó bà N có xin bà R tham gia 02 dây 3 và 5 nên trong giấy hụi bà R đã gạch tên "R" và ghi tên N.

+ Dây 1, 2 và 4: bà N không tham gia.

+ Dây 3 và 5: Bà N tham gia mỗi dây 01 phần đã đóng được 16 kỳ với số tiền 29.370.000 đồng x 2 = 58.740.000 đồng.

* Hụi khui ngày 10-6-2022:

- Hụi 5.000.000 đồng: Bà N tham gia 01 phần đã đóng hụi sống được 10 kỳ với số tiền 31.190.000 đồng. Ngoài ra bà N có mua 02 phần hụi. Cụ thể: Mua của "H" ngày 10-6-2022 với số tiền 70.640.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận tiền lãi với số tiền 18.790.000 đồng.

Mua của "T" ngày 10-9-2022 với số tiền 81.700.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận tiền lãi với số tiền 13.340.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng:

+ Dây 1: Bà N tham gia 01 phần, dây hụi này bà N đã đóng được 10 kỳ với số tiền 18.700.000 đồng. Bà R có bán 01 phần hụi tên "T" cho bà N vào ngày 10-9-2022 với số tiền 49.500.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận được số tiền lãi là 5.340.000 đồng.

+ Dây 2: Bà N tham gia 01 phần, dây hụi này bà N đã đóng được 10 kỳ với số tiền 19.250.000 đồng. Bà R có bán 01 phần hụi tên "T" cho bà N vào ngày 10-9-2022 với số tiền 49.500.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận được số tiền lãi là 6.320.000 đồng.

+ Dây 3: Bà N tham gia 01 phần, dây hụi này bà N đã đóng được 10 kỳ với số tiền 18.920.000 đồng. Bà R có bán 01 phần hụi tên "T" cho bà N vào ngày 10-9-2022 với số tiền 49.500.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận được số tiền lãi là 6.560.000 đồng.

+ Dây 4: Bà N tham gia 01 phần, dây hụi này bà N đã đóng được 10 kỳ với số tiền 19.210.000đồng.

+ Dây 5: Bà N tham gia 01 phần, dây hụi này bà N đã đóng được 10 kỳ với số tiền 19.020.000đồng. Bà R có bán 01 phần hụi tên "T" cho bà N vào ngày 10-9-2022 với số tiền 49.500.000 đồng. Tính đến ngày 10-4-2023 bà N đã nhận được số tiền lãi là 6.420.000 đồng.

* Hụi khi ngày 10-8-2022:

- Hụi 5.000.000 đồng: Bà Nhiển tham gia 01 phần đã đóng được 8 kỳ với số tiền 25.100.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng:

+ Dây 1: Bà N tham gia đã đóng được 8 kỳ với số tiền 15.430.000 đồng.

+ Dây 2: Bà N tham gia 01 phần đã đóng được 8 kỳ với số tiền 15.420.000 đồng.

* Hụi khui ngày 30-01-2023:

Lúc đầu bà N nói sẽ chơi các dây hụi này nhưng giữa bà R và bà Nhiển chưa thống nhất được số tiền bà R thiếu bà N là bao nhiêu nên chưa tính được tiền lãi mà bà R phải đóng cho bà N nên các dây hụi này bà N chưa đóng tiền cho bà R kỳ nào.

Số tiền hụi thực tế của bà N đã đóng hụi cho bà R là 495.450.000 đồng.

Đối với phần hụi bà N mua của bà "Tô" và "H", bà R không đồng ý. Vì bà "Tô" và "H" là người nhận tiền nên có trách nhiệm trả cho bà N, bà R không liên quan gì. Việc các bên mua bán với nhau bà R chỉ là người giới thiệu vì là chủ hụi, còn tiền thì bà R không liên quan gì (người bán hụi nhận tiền) và cũng không thu lợi gì từ việc mua bán giữa các bên nên việc bà N yêu cầu bà R trả luôn những phần hụi này bà R không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Thế Anh trình bày:

Ông P không đồng ý cùng bà R trả các khoản nợ hụi như nguyên đơn yêu cầu. Vợ chồng ông P đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, ông P và bà R đã không còn sống chung nhà từ nhiều năm nay và tiền ai làm người ấy tiêu xài, không sử dụng tiền chung. Việc bà R làm hụi ông P cũng không biết, tiền làm hụi mà bà R kiếm được ông P cũng không sử dụng, ông P sinh sống nhờ vào công việc cạo mủ cao su và cho thuê đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Hồ Dương L ý kiến:

Bà N có tham gia hụi do bà R làm chủ thảo và có đóng tiền hụi cho bà R. Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà R, ông P trả số tiền 2.030.500.000 đồng. Nhưng số tiền hụi mà bà N đã đóng cho bà R chỉ là ước tính trên tiền hụi trung bình phải đóng, do không có sổ sách đối chiếu. Tại phiên tòa, bà N đồng ý tính theo tiền hụi thực tế của từng dây hụi mà bà đã đóng cho bà R được ghi tại sổ hụi mà bà R cung cấp và số tiền hụi mãn mà bà R thừa nhận còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà R thừa nhận bà N có tham gia hụi và mua hụi thông qua bà R. Nguyên tắc tham gia hụi, hụi viên muốn bán hụi thì thông qua chủ hụi và hụi viên bán hụi phải đóng lại tiền hụi chết cũng thông qua chủ hụi. Bà R cho rằng bà N đã hốt hụi nhưng không có căn cứ chứng minh bà N đã hốt hụi và bà R đã đăng tiền hốt hụi cho bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền hụi đã đóng hụi sống cho bà R.

Bà R cũng thừa nhận trước khi bể hụi, bà N có cho bà R mượn các dây hụi mãn để lấy tiền trang trải các khoản tiền hụi mà các hụi viên khác không đóng. Tổng số tiền hụi mãn của bà N cho bà R mượn theo sự thừa nhận của bà R là 571.500.000 đồng. Nên đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà R trả cho bà N số tiền trên.

Về trách nhiệm trả nợ: Thông qua biên bản xác minh thì bà R, ông P xác lập hôn nhân từ trước năm 1981 nên đây là hôn nhân thực tế và quyền, nghĩa vụ của bà R, ông P được xác lập theo quy định tại điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà R, ông P phải có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà N.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư k đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xem xét:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N (N) đối với bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P:

Buộc bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị N (N) số tiền hụi 1.602.580.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N (N) đối với bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P về số tiền 49.500.000.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn P – anh Nguyễn Thế Anh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với các dây hụi mà bà N tham gia và đóng hụi:

Thực tế, bà N có tham gia hụi do bà R làm chủ thảo. Theo bà N, bà có tham gia các dây hụi gồm: dây 1, 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 và dây 2, 3, 4, 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 và dây 1, 2, 3, 4, 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022 và dây 1, 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 và dây 1, 2, 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023. Và tất cả các dây hụi mà bà tham gia đều là hụi sống.

Còn bà R thì chỉ thừa nhận bà N có tham gia các dây hụi gồm: dây 1, dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 và dây 3, 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 và dây 1, 2, 3, 4, 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022 và dây 1, 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022. Còn dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 và dây 1, 2, 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023, mặc dù bà N có tên trong danh sách hụi viên nhưng bà N chưa đóng tiền hụi cho bà R. Và bà R còn cho rằng bà N đã hốt dây 1, 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021 vào ngày 10-4-2022 và còn nợ bà R số tiền hụi chết là 18.000.000 đồng.

[2.1.1] Qua đối chiếu sổ ghi chép theo dõi các dây hụi do bà R cung cấp thì thấy tại kỳ khui ngày 10-4-2022 có thể hiện bà N có hốt dây hụi 3.000.000 đồng, nhưng không thể hiện rõ là hốt của dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày tháng năm nào. Và tại sổ ghi chếp cũng thể hiện là bà N hốt các dây 1, 2, 3, 4 của dây hụi 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà R và bà N đều thừa nhận bà N chỉ tham gia dây 1 và 2 (tổng cộng 02 dây) của dây hụi 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021. Mặt khác, tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim Điệp (người ghi sổ hụi cho bà R) cũng cho rằng việc ghi chép sổ hụi là theo lời của bà R và thực tế bà R cũng không chứng minh được bà N đã hốt và bà R đã đăng tiền hốt 02 dây hụi này cho bà N. Do đó, bà R cho rằng bà N đã hốt hụi và còn nợ lại 18.000.000 đồng tiền hụi chết là không có căn cứ.

[2.1.2] Theo bà N cung cấp thì ngoài tên "N" thì bà N còn tham gia hụi với tên "C" là tên thường gọi của con bà N. Qua đối chiếu danh sách hụi viên dây 2, 4 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 có tên "C". Do đó, bà N có tham gia dây 2, 4 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là đúng sự thật.

[2.1.3] Theo bà R thì mặc dù bà N có tên trong danh sách hụi viên của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng và 03 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 nhưng bà N chưa đóng tiền hụi cho bà R kỳ nào. Trong khi hụi mở từ ngày 30-01-2023 và đã khui 03 kỳ vào ngày 30-01-2023, ngày 30-02-2023 và ngày 30-3-2023, đến ngày 10-4-2023 bà R mới tuyên bố bể hụi nên lời trình bày của bà R là không phù hợp. Và bà R cũng thừa nhận khi các hụi viên đóng hụi cũng không cần k xác nhận, do đó yêu cầu của bà N là có căn cứ.

[2.1.4] Bà N thừa nhận đã đóng hụi cho tất cả các dây hụi mà bà tham gia đến hết tháng 3-2023, sang kỳ khui tháng 4-2023 thì bà chưa đóng tiền hụi cho bà R. Qua đối chiếu sổ ghi chép theo dõi các dây hụi do bà R cung cấp thì tổng tiền hụi sống mà các hụi viên phải đóng tính đến hết tháng 3-2023 cho từng dây cụ thể như sau: Dây 1 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021 là 39.630.000 đồng; Dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021 là 39.130.000 đồng; Dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là 49.820.000 đồng; Dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là 29.610.000 đồng; Dây 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là 29.270.000 đồng; Dây 4 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là 29.560.000 đồng; Dây 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 là 29.350.000 đồng; Dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 24.920.000 đồng; Dây 1 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 15.450.000 đồng; Dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 15.530.000 đồng; Dây 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 15.240.000 đồng; Dây 4 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 15.420.000 đồng; Dây 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 là 15.330.000 đồng; Dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022 là 25.110.000 đồng; Dây 1 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022 là 15.460.000 đồng; Dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-8-2022 là 15.450.000 đồng; Dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 là 9.680.000 đồng; Dây 1 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 là 5.480.000 đồng; Dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 là 5.450.000 đồng; Dây 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 30-01-2023 là 5.350.000 đồng.

Tổng cộng bà N đã đóng hụi cho tất cả các dây hụi với số tiền là 430.240.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà R, ông P trả lại số tiền hụi thực tế đã đóng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày bà R tuyên bố bể hụi (ngày 10-4-2023). Như nhận định tại các mục [2.1.1], [2.1.2], [2.1.3] và số tiền thực tế bà N đã đóng là 430.240.000 đồng, xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ được Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2.1.5] Bà N và bà R đều thừa nhận ngày 10-4-2023 bà R tuyên bố bể hụi, bà N có yêu cầu bà R trả nợ nhưng do hai bên không thống nhất được số tiền hụi phải trả nên bà N khởi kiện vụ án. Nên bà N yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 10-4-2023 đến ngày xét xử (ngày 02-10-2023) là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Và tiền lãi được tính như sau:

430.240.000 đồngx 10%/năm x 05 tháng 22 ngày = 20.555.900 đồng.

[2.2] Đối với các dây hụi mà bà N mua:

[2.2.1] Bà N và bà R thống nhất các dây hụi mà bà N mua gồm: dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-4-2021 bà N mua 01 phần hụi tên "Tô" với số tiền 85.000.000 đồng; dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 bà N mua 02 phần hụi tên "H" với số tiền là 70.640.000 đồng và của "T" với số tiền là 81.700.000 đồng; dây 1 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022

mua của "T" với số tiền là 49.500.000 đồng; dây 2 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 mua của "Hạnh con T" với số tiền là 49.500.000 đồng; dây 3 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 mua của "T" với số tiền là 49.500.000 đồng; dây 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 10-6-2022 mua của "T" với số tiền là 49.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà N còn cho rằng bà có mua 01 phần hụi của dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 của "R" với số tiền là 95.000.000 đồng và mua của "K" với số tiền là 70.500.000 đồng; 01 phần hụi dây 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 với số tiền là 49.500.000 đồng nhưng bà R không thừa nhận.

Qua đối chiếu danh sách hụi viên xác định bà N có mua 02 phần hụi của dây 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 của "R" và của "K" như bà N trình bày là đúng. Còn đối với dây 5 của dây 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 20-12-2021 thì không có ghi chú vào danh sách hụi và bà N cũng không chứng minh được. Tổng cộng tiền mua hụi của bà N là 600.840.000 đồng.

[2.2.2] Tại danh sách hụi, các phần hụi mà bà N mua lại của hụi viên khác đều ghi chú *"chủ hụi có bán hụi số tiền..."*. Và qua thu thập chứng cứ, bà R và người đại diện theo ủy quyền của bà R cũng thừa nhận khi bà R chưa tuyên bố bể hụi thì các hụi viên bán hụi vẫn đóng hụi chết cho bà R và bà R sẽ giao lại phần tiền chênh lệch cho người mua hụi. Do đó bà R cho rằng không liên quan đến việc mua bán hụi giữa các hụi viên là không phù hợp. Ngoài ra, các hụi viên cũng thừa nhận, từ khi bể hụi cho đến nay bà R vẫn tiếp tục thu tiền hụi chết của các hụi viên đã hốt hụi và các hụi viên có phần hụi bán lại.

[2.2.3] Tại khoản 3 Điều 4 và Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định *"Chủ họ là người tổ chức, quản lý dây họ, thu các phần họ và giao các phần họ đó cho thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho tới khi kết thúc dây họ."* và quy định về nghĩa vụ của chủ họ *"Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*. Do đó, bà N yêu cầu buộc bà R với tư cách là chủ hụi có trách nhiệm thanh toán lại số tiền mà bà N đã bỏ ra để mua các phần hụi và tiền lãi tính từ ngày 10-4-2023 đến khi xét xử vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Và tiền lãi được tính như sau: 600.840.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 22 ngày = 28.706.800 đồng.

[2.2.4] Bà R cho rằng trong thời gian bà R tổ chức hụi, bà N đã nhận tiền lãi là số tiền chênh lệch giữa hụi sống và hụi chết đối với các phần hụi mua của các hụi viên khác. Tuy nhiên, bà R cũng thừa nhận trước khi các bên mua bán hụi với nhau đều thỏa thuận về việc hưởng lợi từ việc mua bán hụi và số tiền mà bà N được hưởng là tiền của các hụi viên có phần hụi bán, không phải là tiền của bà R. Và các đương sự cũng không có yêu cầu giải quyết đối với tiền chênh lệch giữa hụi sống và hụi chết khi mua bán hụi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Đối với yêu cầu đòi lại số tiền hụi mãn của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà R thừa nhận số tiền hốt hụi của các dây hụi mãn ngày 30-12-2022 và ngày 20-02-2023 của bà N mà bà R chưa đăng là 571.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý trả và cho rằng số tiền này bà N đồng ý hùng hạp với bà R nhằm mục đích duy trì các dây hụi mà bà R làm chủ thảo nhưng bà R cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự hùn vốn tổ chức hụi và bà N cũng không thừa nhận. Còn bà N thì thừa nhận có cho bà R mượn các dây hụi mãn này để tạm thời trang trải các khoản tiền mà các hụi viên khác không đóng nên yêu cầu của bà N là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, khi cho bà R mượn hụi thì bà N và bà R không thỏa thuận về tiền lãi và không thỏa thuận thời gian trả nợ. Ngày 10-4-2023, bà R tuyên bố bể hụi và bà N yêu cầu trả nợ nhưng bà R không đồng ý. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 278 của Bộ luật Dân sự thì tiền lãi được tính từ ngày bà N nộp đơn khởi kiện là ngày 30-5-2023 đến khi xét xử vụ án là phù hợp. Và tiền lãi được tính 571.500.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng 02 ngày = 19.367.500 đồng.

[2.4] Xét nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn:

Bà N yêu cầu bà R cùng ông P có trách nhiệm trả nợ cho bà nhưng bà R và ông P đều không đồng ý và cho rằng bà R và ông P chung sống như vợ chồng từ năm 1987, không đăng k kết hôn và đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không tiêu xài tiền chung. Và việc bà R làm hụi ông P cũng không biết.

Qua xác minh, bà R và ông P chung sống như vợ chồng từ trước năm 1981, mặc dù bà R và ông P không đăng k kết hôn nhưng theo quy định tại khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội thì hôn nhân giữa bà R và ông P được công nhận là hôn nhân thực tế. Bà R, ông P cũng thừa nhận đến nay ông bà vẫn chưa thực hiện thủ tục ly hôn. Do đó bà R, ông P có quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặc khác, bà R cũng thừa nhận bà R mở rất nhiều dây hụi, có rất nhiều hụi viên tham gia và bà R tổ chức khui hụi tại nhà, các hụi viên đóng tiền hụi tại nhà của bà R. Còn ông P thì cũng đang sống trong khuôn viên của phần đất mà bà R và ông P cho rằng có 02 căn nhà mà ông bà đang sống riêng (cách nhau một bức tường). Và bà R, ông P cũng không chứng minh được ông bà đã sống ly thân từ năm 2011, tiền thu lợi từ việc làm hụi bà R không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng và đây là nợ riêng của bà R như ông bà đã trình bày. Nên Hội đồng xét xử nhận định đây là nợ chung của bà R và ông P. Bà N yêu cầu ông P có trách nhiệm cùng bà R trả nợ hụi cho bà là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

[3.1] Ngày 04-7-2023, Tòa án nhân dân huyện G ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 3.147,9 m^2 thuộc thửa đất số 809 tờ bản đồ

số 37, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T do ông Huỳnh Văn P đứng tên. Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đang được áp dụng nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện G.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà R và ông P phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà N đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 1.500.000 đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà R, ông P phải hoàn trả cho bà N số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà N, bà R, ông P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà R và ông P thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn xin miễn án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà R, ông P được miễn tiền án phí phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 165, 166, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 278, 288, 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N (N) đối với bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản".

Buộc bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị N (N) số tiền là 1.671.210.200 *(Một tỷ sáu trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm mười nghìn hai trăm)* đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 1.602.580.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02-10-2023 là 68.630.200 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà R, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N (N) đối với bà Huỳnh Ngọc R và ông Huỳnh Văn P về số tiền 49.500.000 *(Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn)* đồng.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện G về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản bị phong tỏa là quyền sử dụng đất diện tích 3.147,9 m^2 thuộc thửa đất số 809 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T do ông Huỳnh Văn P đứng tên.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04-7-2023 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục p thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà R, ông P phải chịu số tiền 1.500.000 *(Một triệu năm trăm nghìn)* đồng chi phí định giá tài sản để hoàn trả cho bà N.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu 2.475.000 *(Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.305.000 *(Ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ năm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0025555 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả cho bà N số tiền 33.830.000 *(Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn)* đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà R, ông P được miễn nộp án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cương